

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 102

Phẩm 29: NHIẾP THỌ (4)

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy tự tu pháp không quên mất, dạy người khác tu pháp không quên mất, khen ngợi pháp không quên mất, vui vẻ khen ngợi người tu pháp không quên mất. Tự tu pháp tánh luôn luôn xả, dạy người khác tu pháp tánh luôn luôn xả, khen ngợi pháp tánh luôn luôn xả, vui vẻ khen ngợi người tu pháp tánh luôn luôn xả.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy tự tu pháp tất cả pháp môn Đà-la-ni, dạy người khác tu pháp tất cả pháp môn Đà-la-ni, khen ngợi pháp tất cả pháp môn Đà-la-ni, vui vẻ khen ngợi người tu pháp tất cả pháp môn Đà-la-ni. Tự tu pháp tất cả pháp môn Tam-ma-địa, dạy người khác tu pháp tất cả pháp môn Tam-ma-địa, khen ngợi pháp tất cả pháp môn Tam-ma-địa, vui vẻ khen ngợi người tu pháp tất cả pháp môn Tam-ma-địa.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy tự tu pháp trí Nhất thiết, dạy người khác tu pháp trí Nhất thiết, khen ngợi pháp trí Nhất thiết, vui vẻ khen ngợi người tu pháp trí Nhất thiết. Tự tu pháp trí Đạo tướng, dạy người khác tu pháp trí Đạo tướng, khen ngợi pháp trí Đạo tướng, vui vẻ khen ngợi người tu pháp trí Đạo tướng. Tự tu pháp trí Nhất thiết tướng, dạy người khác tu pháp trí Nhất thiết tướng, khen ngợi pháp trí Nhất thiết tướng, vui vẻ khen ngợi người tu pháp trí Nhất thiết tướng.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, khi hành Bồ thí ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; khi giữ Tịnh giới ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; khi tu An nhẫn ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; khi khởi Tinh tấn ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; khi nhập Tĩnh lự ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột; khi học Bát-nhã ba-la-mật-đa, lấy vô sở đắc làm phương tiện, cùng với tất cả hữu tình đồng hồi hướng quả vị Giác ngộ cao tột.

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy khi tu hành sáu pháp Ba-la-mật-đa, thường nghĩ thế này: “Nếu ta chẳng hành Bồ thí ba-la-mật-đa thì sẽ sinh vào nhà bần cùng, không có phương tiện thích hợp, lấy gì đem lại sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, huống là có khả năng chứng đắc trí Nhất thiết trí. Nếu ta chẳng giữ Tịnh giới ba-la-mật-đa thì sẽ sinh vào các đường ác, còn chẳng thể được thân người hạ tiện, lấy gì đem lại sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, huống là có khả năng chứng đắc trí Nhất thiết trí. Nếu ta chẳng tu An nhẫn ba-la-mật-đa thì sinh ra các căn sẽ khiếm khuyết, dung mạo xấu xí, chẳng đầy đủ sắc thân viên mãn của Bồ-tát; nếu được sắc thân viên mãn của Bồ-tát, hành hạnh Bồ-tát, hữu tình nào thấy thì chắc chắn đạt được quả vị Giác ngộ cao tột, nếu chẳng được sắc thân viên mãn này thì chẳng có thể đem lại sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, huống là có khả năng chứng đắc trí Nhất thiết trí. Nếu ta biếng nhác, chẳng khởi Tinh tấn ba-la-mật-đa thì đạo thù thắng của

Bồ-tát còn chẳng có khả năng đạt được, lấy gì đem lại sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, huống là có khả năng chứng đắc trí Nhất thiết trí. Nếu ta tâm bị loạn động, chẳng nhập Tĩnh lực ba-la-mật-đa thì định thù thắng của Bồ-tát còn chẳng thể khởi được, lấy gì đem lại sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, huống là có khả năng chứng đắc trí Nhất thiết trí. Nếu ta không có trí tuệ, chẳng học Bát-nhã ba-la-mật-đa thì trí tuệ phương tiện thiện xảo còn chẳng đạt được, lấy gì đem lại sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình, làm nghiêm tịnh cõi Phật, huống là có khả năng chứng đắc trí Nhất thiết trí.”

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy học sáu pháp Ba-la-mật-đa thường nghĩ thế này: “Ta chẳng nên chạy theo thế lực tham lam keo kiệt, vì nếu chạy theo thế lực ấy thì Bồ thí ba-la-mật-đa của ta chẳng được viên mãn, mà việc Bồ thí ba-la-mật-đa của ta chẳng được viên mãn, thì chẳng bao giờ có khả năng thành tựu trí Nhất thiết trí. Ta chẳng nên buông theo thế lực phá giới, vì nếu buông theo thế lực ấy thì Tịnh giới ba-la-mật-đa của ta chẳng được viên mãn, mà nếu Tịnh giới ba-la-mật-đa của ta chẳng được viên mãn, thì chẳng bao giờ có khả năng thành tựu trí Nhất thiết trí. Ta chẳng nên buông theo thế lực giận dữ, vì nếu buông theo thế lực ấy thì An nhẫn ba-la-mật-đa của ta chẳng được viên mãn và nếu An nhẫn ba-la-mật-đa của ta chẳng được viên mãn thì chẳng bao giờ có khả năng thành tựu trí Nhất thiết trí. Ta chẳng nên buông theo thế lực biếng trễ, vì nếu buông theo thế lực ấy thì Tinh tấn ba-la-mật-đa của ta chẳng được viên mãn, mà nếu Tinh tấn ba-la-mật-đa của ta chẳng được viên mãn thì chẳng bao giờ có khả năng thành tựu trí Nhất thiết trí. Ta chẳng nên buông theo thế lực làm loạn tâm, vì nếu buông theo thế lực ấy thì Tĩnh lực ba-la-mật-đa của ta chẳng được viên mãn, mà nếu Tĩnh lực ba-la-mật-đa của ta chẳng được viên mãn, thì chẳng bao giờ có khả năng thành tựu trí Nhất thiết trí. Ta chẳng nên buông theo thế lực vô trí vì nếu buông theo thế lực ấy thì Bát-nhã ba-la-mật-đa của ta chẳng được viên mãn, mà nếu Bát-nhã ba-la-mật-đa của ta chẳng được viên mãn, thì chẳng bao giờ có khả năng thành tựu trí Nhất thiết trí.”

Kiều-thi-ca, Đại Bồ-tát ấy chẳng lìa tâm của trí Nhất thiết trí, lấy vô sở đắc làm phương tiện, đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa này, thọ trì, đọc tụng, tinh cần tu học, tư duy đúng theo lý, sao chép giảng giải, truyền bá rộng rãi, thì sẽ đạt được công đức thắng lợi như thế trong hiện tại và về sau.

Bấy giờ, Thiên đế Thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, thật là hết sức hy hữu, đã điều phục Bồ-tát, khiến cho chẳng sinh tâm tự cao, mà lại có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Phật bảo:

–Kiều-thi-ca, thế nào là Bát-nhã ba-la-mật-đa đã điều phục Bồ-tát, khiến cho chẳng sinh tâm tự cao, mà lại có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí?

Thiên đế Thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát khi hành Bồ thí ba-la-mật-đa ở thế gian, nếu đối với Phật, thực hành bố thí mà nghĩ thế này: “Ta có khả năng bố thí cho Phật”; nếu đối với các hàng Bồ-tát, Độc giác, Thanh văn, hoặc những kẻ cô độc, bần cùng, già cả, bệnh tật, lỡ đường, xin ăn, hành bố thí mà nghĩ: “Ta có khả năng bố thí cho Bồ-tát, Độc giác, Thanh văn, những kẻ cô độc, bần cùng, già cả, bệnh tật, lỡ đường, xin ăn”, thì Đại Bồ-tát ấy vì không có phương tiện thiện xảo để hành bố thí, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Đại Bồ-tát khi hành Tịnh giới ba-la-mật-đa ở thế gian, liền nghĩ: “Ta có khả năng tu

hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, ta có khả năng làm viên mãn Tịnh giới ba-la-mật-đa”, vì Đại Bồ-tát ấy không có phương tiện thiện xảo để tu hành tịnh giới, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Đại Bồ-tát khi hành An nhẫn ba-la-mật-đa ở thế gian, liền nghĩ: “Ta có khả năng tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa, ta có khả năng làm viên mãn An nhẫn ba-la-mật-đa”, vì Đại Bồ-tát ấy không có phương tiện thiện xảo để tu hành an nhẫn, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Đại Bồ-tát khi hành Tinh tấn ba-la-mật-đa ở thế gian, liền nghĩ: “Ta có khả năng tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, ta có khả năng làm viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa”, vì Đại Bồ-tát ấy không có phương tiện thiện xảo để tu hành tinh tấn, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Đại Bồ-tát khi hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa ở thế gian, liền nghĩ: “Ta có khả năng tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, ta có khả năng làm viên mãn Tĩnh lự ba-la-mật-đa”, vì Đại Bồ-tát ấy không có phương tiện thiện xảo để tu hành tĩnh lự, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa ở thế gian, liền nghĩ: “Ta có khả năng tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, ta có khả năng làm viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa”, vì Đại Bồ-tát ấy không có phương tiện thiện xảo để tu hành Bát-nhã, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát khi an trú pháp không bên trong, nếu nghĩ: “Ta có khả năng an trú pháp không bên trong”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự an trú pháp không bên trong, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Đại Bồ-tát khi an trú pháp không bên ngoài, không cả trong ngoài, không không, không lớn, không thắng nghĩa, không hữu vi, không vô vi, không rốt ráo, không không biên giới, không tản mạn, không không đối khác, không bản tánh, không tự tướng, không cộng tướng, không nơi tất cả pháp, không chẳng thể nắm bắt được, không không tánh, không tự tánh, không không tánh tự tánh, nếu nghĩ: “Ta có khả năng an trú pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự an trú pháp không bên ngoài cho đến pháp không không tánh tự tánh, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát khi an trú chân như, nếu nghĩ: “Ta có khả năng an trú chân như”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự an trú chân như, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Đại Bồ-tát khi an trú pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đối khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, nếu nghĩ: “Ta có khả năng an trú pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự an trú pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát khi an trú Thánh đế khổ, nếu nghĩ: “Ta có khả năng an trú Thánh đế khổ”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự an trú Thánh đế khổ, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Đại Bồ-tát khi an trú Thánh đế tập, diệt, đạo, nếu nghĩ: “Ta có khả năng an trú

Thánh đế tập, diệt, đạo”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự an trú Thánh đế tập, diệt, đạo, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát khi tu hành bốn Tĩnh lự, nếu nghĩ: “Ta có khả năng tu hành bốn Tĩnh lự”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự tu hành bốn Tĩnh lự, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Đại Bồ-tát khi tu hành bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc nếu nghĩ: “Ta có khả năng tu hành bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự tu hành bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát khi tu hành tám Giải thoát, nếu nghĩ: “Ta có khả năng tu hành tám Giải thoát”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự tu hành tám Giải thoát, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Đại Bồ-tát khi tu hành tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, nếu nghĩ: “Ta có khả năng tu hành tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự tu hành tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát khi tu hành bốn Niệm trụ, nếu nghĩ: “Ta có khả năng tu hành bốn Niệm trụ”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự tu hành bốn Niệm trụ, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Đại Bồ-tát khi tu hành bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đăng giác, tám chi Thánh đạo, nếu nghĩ: “Ta có khả năng tu hành bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đăng giác, tám chi Thánh đạo”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự tu hành bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đăng giác, tám chi Thánh đạo, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát khi tu hành pháp môn giải thoát Không, nếu nghĩ: “Ta có khả năng tu hành pháp môn giải thoát Không”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự tu hành pháp môn giải thoát Không, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Đại Bồ-tát khi tu hành pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, nếu nghĩ: “Ta có khả năng tu hành pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự tu hành pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát khi tu hành năm loại mắt, nếu nghĩ: “Ta có khả năng tu hành năm loại mắt”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự tu hành năm loại mắt, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Đại Bồ-tát khi tu hành sáu phép thần thông, nếu nghĩ: “Ta có khả năng tu hành sáu phép thần thông”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự tu hành sáu phép thần thông, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát khi tu hành mười lực của Phật, nếu nghĩ: “Ta có khả năng tu hành mười lực của Phật”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự tu hành mười lực của Phật, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi

hướng trí Nhất thiết trí.

Đại Bồ-tát khi tu hành bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, nếu nghĩ: “Ta có khả năng tu hành bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự tu hành bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát khi tu hành pháp không quên mất, nếu nghĩ: “Ta có khả năng tu hành pháp không quên mất”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự tu hành pháp không quên mất, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Đại Bồ-tát khi tu hành tánh luôn luôn xả, nếu nghĩ: “Ta có khả năng tu hành tánh luôn luôn xả”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự tu hành tánh luôn luôn xả, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát khi tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, nếu nghĩ: “Ta có khả năng tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Đại Bồ-tát khi tu hành tất cả pháp môn Tam-ma-địa, nếu nghĩ: “Ta có khả năng tu hành tất cả pháp môn Tam-ma-địa”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự tu hành tất cả pháp môn Tam-ma-địa, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát khi tu hành trí Nhất thiết, nếu nghĩ: “Ta có khả năng tu hành trí Nhất thiết”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự tu hành trí Nhất thiết, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Đại Bồ-tát khi tu hành trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, nếu nghĩ: “Ta có khả năng tu hành trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sự tu hành trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát khi dốc đem lại sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình, nếu nghĩ: “Ta có khả năng đem lại sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình”, thì Đại Bồ-tát ấy vì bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sở nguyện đối với hữu tình, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Đại Bồ-tát khi dốc làm nghiêm tịnh cõi Phật, nếu nghĩ: “Ta có khả năng làm nghiêm tịnh cõi Phật”, thì Đại Bồ-tát ấy bị sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn sở nguyện làm nghiêm tịnh cõi Phật, liền khởi tâm tự cao, nên chẳng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát như vậy là theo tâm thế gian mà tu các pháp thiện, vì không có phương tiện thiện xảo để tu hành Bồ thí..., vì sự chấp ngã và ngã sở làm nhiều loạn tâm, vì tuy tu Bát-nhã ba-la-mật-đa mà chưa đạt được, nên chẳng có khả năng như thật điều phục tâm tự cao, cũng chẳng có khả năng như thật hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bồ thí ba-la-mật-đa xuất thế gian, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có người bố thí, chẳng thấy có kẻ nhận, chẳng thấy có vật bố thí; do vì Đại Bồ-tát ấy đã dựa vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà hành Bồ thí ba-la-mật-đa, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng

trí Nhất thiết trí.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Tịnh giới ba-la-mật-đa xuất thế gian, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có tịnh giới, chẳng thấy có người đầy đủ tịnh giới; do vì Đại Bồ-tát ấy đã dựa vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà hành Tịnh giới ba-la-mật-đa, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành An nhẫn ba-la-mật-đa xuất thế gian, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có an nhẫn, chẳng thấy có người đầy đủ an nhẫn; do vì Đại Bồ-tát ấy đã dựa vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà hành An nhẫn ba-la-mật-đa, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa xuất thế gian, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có tinh tấn, chẳng thấy có người đầy đủ tinh tấn; do vì Đại Bồ-tát ấy đã dựa vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà hành Tinh tấn ba-la-mật-đa, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa xuất thế gian, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có tĩnh lự, chẳng thấy có người đầy đủ tĩnh lự; vì Đại Bồ-tát ấy đã dựa vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà hành Tĩnh lự ba-la-mật-đa, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa xuất thế gian, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có Bát-nhã, chẳng thấy có người đầy đủ Bát-nhã; do vì Đại Bồ-tát ấy đã dựa vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khi an trú nơi pháp không bên trong, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có pháp không bên trong, chẳng thấy có người an trú nơi pháp không bên trong; do vì Đại Bồ-tát ấy đã dựa vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà an trú nơi pháp không bên trong, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Nếu Đại Bồ-tát khi an trú nơi pháp không bên ngoài, không cả trong ngoài, không không, không lớn, không thắng nghĩa, không hữu vi, không vô vi, không rốt ráo, không không biên giới, không tản mạn, không không đối khác, không bản tánh, không tự tướng, không cộng tướng, không nơi tất cả pháp, không chẳng thể nắm bắt được, không không tánh, không tự tánh, không không tánh tự tánh, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có pháp không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh, chẳng thấy có người an trú nơi pháp không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà an trú nơi pháp không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khi an trú chân như, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có chân như, chẳng thấy có người an trú chân như; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà an trú chân như, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Nếu Đại Bồ-tát khi an trú pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đối khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thấy có người an trú pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa

mà an trú pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khi an trú Thánh đế khổ, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có Thánh đế khổ, chẳng thấy có người an trú Thánh đế khổ; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà an trú Thánh đế khổ, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Nếu Đại Bồ-tát khi an trú Thánh đế tập, diệt, đạo, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có Thánh đế tập, diệt, đạo, chẳng thấy có người an trú Thánh đế tập, diệt, đạo; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà an trú Thánh đế tập, diệt, đạo, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành bốn Tịch lự, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có bốn Tịch lự, chẳng thấy có người tu hành bốn Tịch lự; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu hành bốn Tịch lự, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, chẳng thấy có người tu hành bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu hành bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành tám Giải thoát, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có tám Giải thoát, chẳng thấy có người tu hành tám Giải thoát; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu hành tám Giải thoát, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, chẳng thấy có người tu hành tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu hành tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành bốn Niệm trụ, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có bốn Niệm trụ, chẳng thấy có người tu hành bốn Niệm trụ; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu hành bốn Niệm trụ, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đăng giác, tám chi Thánh đạo, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đăng giác, tám chi Thánh đạo, chẳng thấy có người tu hành bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đăng giác, tám chi Thánh đạo; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu hành bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đăng giác, tám chi Thánh đạo, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành pháp môn giải thoát Không, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có pháp môn giải thoát Không, chẳng thấy có

người tu hành pháp môn giải thoát Không; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu hành pháp môn giải thoát Không, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, chẳng thấy có người tu hành pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu hành pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành năm loại mắt, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có năm loại mắt, chẳng thấy có người tu hành năm loại mắt; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu hành năm loại mắt, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành sáu phép thần thông, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có sáu phép thần thông, chẳng thấy có người tu hành sáu phép thần thông; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu hành sáu phép thần thông, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành mười lực của Phật, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có mười lực của Phật, chẳng thấy có người tu hành mười lực của Phật; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu hành mười lực của Phật, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu hành bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu hành bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành pháp không quên mất, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có pháp không quên mất, chẳng thấy có người tu hành pháp không quên mất; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu hành pháp không quên mất, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành tánh luôn luôn xả, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có tánh luôn luôn xả, chẳng thấy có người tu hành tánh luôn luôn xả; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu hành tánh luôn luôn xả, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có tất cả pháp môn Đà-la-ni, chẳng thấy có người tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có

khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành tất cả pháp môn Tam-ma-địa, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có tất cả pháp môn Tam-ma-địa, chẳng thấy có người tu hành tất cả pháp môn Tam-ma-địa; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu hành tất cả pháp môn Tam-ma-địa, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành trí Nhất thiết, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có trí Nhất thiết, chẳng thấy có người tu hành trí Nhất thiết; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu hành trí Nhất thiết, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Nếu Đại Bồ-tát khi tu hành trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, chẳng thấy có người tu hành trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tu hành trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, nếu Đại Bồ-tát khi dốc đem lại sự thành tựu đầy đủ cho hữu tình, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có sở nguyện ấy đối với hữu tình, chẳng thấy có người thực hiện sở nguyện ấy đối với hữu tình; là vì Đại Bồ-tát đó đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà thực hiện sở nguyện, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Nếu Đại Bồ-tát khi dốc làm nghiêm tịnh cõi Phật, vì khéo tu Bát-nhã ba-la-mật-đa, nên chẳng thấy có sự nghiêm tịnh nơi cõi Phật, chẳng thấy có người nghiêm tịnh cõi Phật; do vì Đại Bồ-tát ấy đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà làm nghiêm tịnh cõi Phật, nên có khả năng điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát như thế, vì đã nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa xuất thế gian mà tu pháp thiện nên có khả năng như thật điều phục tâm tự cao, cũng có khả năng như thật hồi hướng trí Nhất thiết trí, vì vậy nên tôi nói Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế thật là hy hữu, đã điều phục Bồ-tát, khiến cho chẳng khởi tâm tự cao, lại có khả năng hồi hướng trí Nhất thiết trí.

Bấy giờ, Phật bảo Thiên đế Thích:

–Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ luôn luôn đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu như vậy, chí tâm lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, tinh cần tu học, tư duy đúng theo lý, sao chép, giảng thuyết, truyền bá rộng rãi, thì các thiện nam, thiện nữ ấy thân thường an ổn, tâm thường vui vẻ, chẳng bị tất cả các thứ tai họa xâm phạm, nào hại.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa này thọ trì, đọc tụng, thân cận cúng dường, tư duy đúng theo lý, sao chép, giảng thuyết, truyền bá rộng rãi, thì các thiện nam, thiện nữ ấy nếu khi theo quân lính ra trận mà chí tâm tụng niệm Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, thì chẳng bị đao trượng làm tổn hại, kẻ oán địch đều khởi từ tâm, dù sắp bị trúng thương, tự nhiên tránh được, chẳng bao giờ có chuyện mất mạng ở chiến trường. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì các thiện nam, thiện nữ ấy chẳng lia tâm của trí Nhất thiết trí, lấy vô sở đắc làm phương tiện, luôn luôn tu tập sáu pháp Ba-la-mật-đa, tự từ bỏ đao gậy của sự tham dục, cũng có khả năng làm cho kẻ khác từ bỏ đao gậy của sự tham dục; tự từ bỏ đao gậy của sự sân hận, cũng có khả năng làm cho kẻ khác từ bỏ đao gậy của sự sân hận; tự từ bỏ đao gậy của sự ngu si, cũng có

khả năng làm cho kẻ khác từ bỏ đao gậy của sự ngu si; tự từ bỏ đao gậy của ác kiến, cũng có khả năng làm cho kẻ khác từ bỏ đao gậy của ác kiến; tự từ bỏ đao gậy của sự trói buộc cấu uế, cũng có khả năng làm cho kẻ khác từ bỏ đao gậy của sự trói buộc cấu uế; tự từ bỏ đao gậy của sự mê muội, cũng có khả năng làm cho kẻ khác từ bỏ đao gậy của sự mê muội; tự từ bỏ đao gậy của nghiệp ác, cũng có khả năng làm cho kẻ khác từ bỏ đao gậy của nghiệp ác.

Kiều-thi-ca, do duyên cơ này, nên các hàng thiện nam, thiện nữ ấy dù nhập quân trận chẳng bị đao gậy của sự làm tổn thương, kẻ đối địch đều khởi lòng Từ, dù sắp bị trúng thương, tự nhiên tránh được, chẳng bao giờ có chuyện bỏ mạng ở chiến trường.

Lại nữa Kiều-thi-ca, nếu các hàng thiện nam, thiện nữ chẳng lia tâm của trí Nhất thiết trí, lấy vô sở đắc làm phương tiện, thường đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm diệu như thế mà chí tâm lắng nghe, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen, thọ trì, đọc tụng, tư duy đúng theo lý, tinh cần tu học, sao chép, giảng thuyết, truyền bá rộng rãi, thì các thiện nam, thiện nữ ấy không bị tất cả các thứ thuốc độc, trùng độc, quỷ mị trừ yếm, chú thuật có thể làm tổn hại, không thể chìm trong nước, chẳng bị lửa làm cháy; đao gậy, thú dữ, oán tặc, thần ác, các thứ yêu tinh quái vật, chẳng thể làm hại được. Vì sao? Kiều-thi-ca, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là chú Đại thần; Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là chú Đại minh; Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là chú không gì có thể sánh; Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế là vua của tất cả thần chú, tối thượng, tối diệu, không gì có thể sánh bằng, đầy đủ oai lực lớn, có khả năng hàng phục tất cả, chẳng hề bị một cái gì hàng phục được. Thiện nam, thiện nữ ấy tinh cần tu học chú vương này, chẳng làm hại mình, chẳng làm hại người, chẳng làm hại cả hai. Vì sao? Vì các thiện nam, thiện nữ ấy học Bát-nhã ba-la-mật-đa này, hiểu rõ mình và người, cả hai đều chẳng thể nắm bắt được.

Kiều-thi-ca, các thiện nam, thiện nữ ấy khi học Đại chú vương Bát-nhã ba-la-mật-đa này, chẳng thấy có ngã, chẳng thấy có hữu tình, chẳng thấy có dòng sinh mạng, chẳng thấy có sự sinh, chẳng thấy có sự dưỡng, chẳng thấy có sự trưởng thành, chẳng thấy có chủ thể luân hồi, chẳng thấy có ý sinh, chẳng thấy có nho đồng, chẳng thấy có sự tạo tác, chẳng thấy có sự thọ nhận, chẳng thấy có cái biết, chẳng thấy có cái thấy. Do đối với ngã... đều vô sở đắc nên chẳng làm hại mình, chẳng làm hại người, chẳng làm hại cả hai.

Kiều-thi-ca, các thiện nam, thiện nữ ấy khi học Đại chú vương Bát-nhã ba-la-mật-đa này chẳng thấy có sắc, chẳng thấy có thọ, tưởng, hành, thức; vì đối với sắc uẩn... đều vô sở đắc nên chẳng làm hại mình, chẳng làm hại người, chẳng làm hại cả hai.

Kiều-thi-ca, các thiện nam, thiện nữ... ấy khi học Đại chú vương Bát-nhã ba-la-mật-đa này chẳng thấy có nhãn xứ, chẳng thấy có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ; vì đối với nhãn xứ... đều vô sở đắc nên chẳng làm hại mình, chẳng làm hại người, chẳng làm hại cả hai.

Kiều-thi-ca, các thiện nam, thiện nữ ấy khi học Đại chú vương Bát-nhã ba-la-mật-đa này chẳng thấy có sắc xứ, chẳng thấy có thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ; vì đối với sắc xứ... đều vô sở đắc nên chẳng làm hại mình, chẳng làm hại người, chẳng làm hại cả hai.

Kiều-thi-ca, các thiện nam, thiện nữ ấy khi học Đại chú vương Bát-nhã ba-la-mật-đa này chẳng thấy có nhãn giới, chẳng thấy có sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra; vì đối với nhãn giới... đều vô sở đắc nên

chẳng làm hại mình, chẳng làm hại người, chẳng làm hại cả hai.

Kiều-thi-ca, các thiện nam, thiện nữ ấy khi học Đại chú vương Bát-nhã ba-la-mật-đa này chẳng thấy có nhĩ giới, chẳng thấy có thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc cùng các thọ do nhĩ xúc làm duyên sinh ra; vì đối với nhĩ giới... đều vô sở đắc nên chẳng làm hại mình, chẳng làm hại người, chẳng làm hại cả hai.

Kiều-thi-ca, các thiện nam, thiện nữ ấy khi học Đại chú vương Bát-nhã ba-la-mật-đa này chẳng thấy có tỷ giới, chẳng thấy có hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc cùng các thọ do tỷ xúc làm duyên sinh ra; vì đối với tỷ giới... đều vô sở đắc nên chẳng làm hại mình, chẳng làm hại người, chẳng làm hại cả hai.

Kiều-thi-ca, các thiện nam, thiện nữ ấy khi học Đại chú vương Bát-nhã ba-la-mật-đa này chẳng thấy có thiệt giới, chẳng thấy có vị giới, thiệt thức giới và thiệt xúc cùng các thọ do thiệt xúc làm duyên sinh ra; vì đối với thiệt giới... đều vô sở đắc nên chẳng làm hại mình, chẳng làm hại người, chẳng làm hại cả hai.

Kiều-thi-ca, các thiện nam, thiện nữ ấy khi học Đại chú vương Bát-nhã ba-la-mật-đa này chẳng thấy có thân giới, chẳng thấy có xúc giới, thân thức giới và thân xúc cùng các thọ do thân xúc làm duyên sinh ra; vì đối với thân giới... đều vô sở đắc nên chẳng làm hại mình, chẳng làm hại người, chẳng làm hại cả hai.

Kiều-thi-ca, các thiện nam, thiện nữ ấy khi học Đại chú vương Bát-nhã ba-la-mật-đa này chẳng thấy có ý giới, chẳng thấy có pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra; vì đối với ý giới... đều vô sở đắc nên chẳng làm hại mình, chẳng làm hại người, chẳng làm hại cả hai.

Kiều-thi-ca, các thiện nam, thiện nữ ấy khi học Đại chú vương Bát-nhã ba-la-mật-đa này chẳng thấy có địa giới, chẳng thấy có thủy, hỏa, phong, không, thức giới; vì đối với địa giới... đều vô sở đắc nên chẳng làm hại mình, chẳng làm hại người, chẳng làm hại cả hai.

Kiều-thi-ca, các thiện nam, thiện nữ ấy khi học Đại chú vương Bát-nhã ba-la-mật-đa này chẳng thấy có Thánh đế khổ, chẳng thấy có Thánh đế tập, diệt, đạo; vì đối với Thánh đế khổ... đều vô sở đắc nên chẳng làm hại mình, chẳng làm hại người, chẳng làm hại cả hai.

Kiều-thi-ca, các thiện nam, thiện nữ ấy khi học Đại chú vương Bát-nhã ba-la-mật-đa này chẳng thấy có vô minh, chẳng thấy có hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não; vì đối với vô minh... đều vô sở đắc nên chẳng làm hại mình, chẳng làm hại người, chẳng làm hại cả hai.

Kiều-thi-ca, các thiện nam, thiện nữ ấy khi học Đại chú vương Bát-nhã ba-la-mật-đa này chẳng thấy có pháp không bên trong, chẳng thấy có pháp không bên ngoài, không cả trong ngoài, không không, không lớn, không thắng nghĩa, không hữu vi, không vô vi, không rốt ráo, không không biên giới, không tản mạn, không không đối khác, không bản tánh, không tự tướng, không cộng tướng, không nơi tất cả pháp, không chẳng thể nắm bắt được, không không tánh, không tự tánh, không không tánh tự tánh; vì đối với pháp không bên trong... đều vô sở đắc nên chẳng làm hại mình, chẳng làm hại người, chẳng làm hại cả hai.

Kiều-thi-ca, các thiện nam, thiện nữ ấy khi học Đại chú vương Bát-nhã ba-la-mật-đa này chẳng thấy có chân như, chẳng thấy có pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đối khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn; vì đối với chân như... đều vô sở đắc

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

nên chẳng làm hại mình, chẳng làm hại người, chẳng làm hại cả hai.

